31. Xã Thanh Nưa

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**QL 12:** Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	3.900	2.054	1.055	
2	**QL 12**: Đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao đến hết nhà ông Lò Văn Tướng, đối diện là cổng vào bản Mển thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	2.800	1.624	672	
3	**QL 12**: Đoạn từ nhà ông Lò Văn Tướng, đối diện là cổng vào bản Mển đến hết địa phận Xã Thanh Nưa thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	1.320	748	396	
4	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết sân nghĩa trang đồi Độc Lập thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	670	392	280	
5	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết trường tiểu học thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	304	200	155	
6	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 qua ngã tư Tông Khao đến hết trường tập lái; đến hết đất nhà ông Phùng Văn Tâm (bản Hồng Lạnh); hướng đi theo đường phía tây giáp xã Thanh Luông (cũ) thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	670	392	280	
6.1	Đoạn đường nối Quốc lộ 12 và đường phía tây lòng chảo (đường vào chùa Linh Quang) thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	1.100	660	440	
7	**Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)**				
7.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	800	560	400	
7.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	739	451	370	
7.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	600	384	270	
8	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Thanh Nưa (cũ)	132	110	99	
9	**QL 12:** Đoạn từ giáp địa phận xã Thanh Nưa đến cầu xi măng bản Tâu thuộc Khu vực xã Hua Thanh (cũ)	770	440	286	
10	**QL 12:** Đoạn từ cầu xi măng bản Tâu đến chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huổi Piếng thuộc Khu vực xã Hua Thanh (cũ)	390	266	178	
11	**QL 12:** Đoạn từ chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huổi Piếng đến giáp xã Mường Pồn thuộc Khu vực xã Hua Thanh (cũ)	390	266	178	
12	**Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Hua Thanh (cũ)**				
12.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	220	154	121	
12.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	204	143	110	
12.3	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3m.	187	143	110	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
13	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Hua Thanh (cũ)	132	110	99	
14	**Đường đi Hua Pe:** Đoạn từ giáp sân bay thôn Cộng Hòa đến trường tiểu học Thanh Luông thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	3.510	2.036	913	
15	**Đường đi Hua Pe:** Đoạn từ trường tiểu học Thanh Luông đến ngã ba rẽ đi đội 11 thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	2.970	1.650	880	
16	**Đường đi Hua Pe:** Đoạn từ ngã ba rẽ đi đội 11 đến cầu chân đập hồ Pe Luông thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	2.150	1.247	688	
17	**Đường đi Hua Pe:** Đoạn từ cầu chân đập hồ Pe Luông đến hết Đồn biên phòng Thanh Luông thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	310	205	167	
18	Đường từ ngã ba Nghĩa trang C1 đến tiếp nối đường đi Hua Pe (trừ các vị trí 1,2,3 của đoạn này) thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	1.280	909	653	
19	Đoạn từ bờ mương C8 đến ngã ba Nghĩa trang C1 thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	1.550	899	651	
20	Đoạn từ nhà ông Phạm Quang Uy thôn Thanh Đông đến hết đất ông Bùi Văn Quý thôn Thanh Đông thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	2.300	1.242	667	
20.1	Đoạn từ nhà bà Lò Thị Nga thôn Thanh Đông đến đất ông Phạm Đồng Hưng thôn Thanh Đông thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	1.680	907	487	
21	Đoạn từ hết vị trí 3 đường trục đường đi Hua Pe đến cầu Cộng Hoà thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	990	715	495	
21.1	Đoạn đường tránh sân bay nối từ đường đi xã Thanh Hưng (cũ) với đường đi xã Thanh Luông (cũ) (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ cầu suối Hoong Pinh đến hết ruộng ông Trần Hữu Thắng, thôn Cộng Hòa thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	3.080	1.786	801	
21.2	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến chính): Đoạn từ tiếp giáp đường đi Hua Pe đến tiếp giáp xã Thanh Hưng (cũ) thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	1.000	710	580	
22	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)				
22.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	550	352	275	
22.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	482	328	260	
22.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	400	260	200	
23	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Thanh Luông (cũ)	132	110	99	
24	**QL12 :** Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến giáp khu trung tâm ngã tư C4 thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	3.800	2.204	912	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
25	**Khu trung tâm ngã tư C4:** Về phía Tây hết đất nhà bà Chén đối diện là nhà ông Ngô Duy Thống; về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Đức Lời đối diện là nhà ông Tuyết Minh thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	3.800	2.286	1.270	
25.1	**Đường Lưu Viết Thoảng:** Đoạn từ cầu C4 đến tiếp giáp ngã 4 đi xã Thanh Hưng (cũ) (tiếp giáp đường QL 12 kéo dài) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	4.620	2.772	1.540	
26	**Đường ngã tư C4 đi Lếch Cuông**: Đoạn tiếp giáp đất nhà ông Ngô Duy Thống đối diện là hết đất nhà bà Chén đến hết hết Thôn Thanh Chung thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	2.550	1.554	888	
27	**Đường ngã tư C4 đi Lếch Cuông**: Đoạn tiếp giáp Thôn Thanh Chung đến đường rẽ vào bản Lếch Cang thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	1.440	777	422	
28	**Khu trung tâm xã**: Đoạn đi qua UBND xã (trừ vị trí 1,2,3 đường ngã tư C4 đi Lếch Cuông và đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	1.760	880	528	
29	**Đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã**: Đoạn tiếp giáp vị trí 3 đường Quốc lộ 12 kéo dài đến hết thôn Thanh Xuân (đến ngã 3 hết đất ông Hà Văn Cân) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	2.750	1.595	660	
30	**Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã:** Đoạn tiếp giáp thôn Thanh Xuân đến dưới kênh đại thủy nông thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	1.430	770	418	
30.1	**Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã:** Đoạn từ trên kênh đại thủy nông đến qua ngã ba Thôn Mỹ Hưng +100m thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	2.155	1.164	625	
31	Đoạn từ Ngã ba Noong Pết (thửa đất ông Vương Đình Kiều) đến chân đập Hồ Hồng Khếnh (trừ các vị trí 1, 2, 3 khu trung tâm xã) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	660	385	275	
31.1	Đoạn đường từ ngã ba nhà bà Hiền (thôn Việt Thanh) đi qua thôn Việt Thanh, thôn Hồng Thái, thôn Thanh Hòa đến ao nhà ông Lễ.	560	281	168	
31.2	Đoạn đường tránh sân bay nối từ đường đi xã Thanh Hưng (cũ) với đường đi xã Thanh Luông (cũ) (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ Nhà ông Hà Văn Cân đến Cầu suối Hoong Pinh	3.080	1.786	801	
31.3	Đoạn từ ngã ba thôn Mỹ Hưng +100m đến ngã ba thôn Hưng Thịnh (nhà ông Bùi Đức Oánh)	1.250	725	525	
31.4	Đoạn từ ngã ba Lếch Cang đi qua khu tái định cư Hồ Huổi Trạng Tai đến cầu bê tông	500	270	145	
31.5	Đường đi Hồ Huổi Trạng Tai: Đoạn từ ngã ba Lếch Cang đến chân đập hồ Huổi Trạng Tai	500	270	145	
32	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)				

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
32.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	600	414	276	
32.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	558	340	279	
32.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	500	320	225	
33	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	132	110	99	
34	**QL 12 kéo dài:** Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng (cũ) qua kho Vật tư nông nghiệp đến hết đất nhà ông Vân Nhất, đối diện là hết đất cửa hàng vật tư của ông Bạc thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	3.400	1.870	918	
35	**QL 12 kéo dài:** Đoạn tiếp từ cửa hàng vật tư của ông Bạc đến cầu Hoong Băng thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	2.805	1.595	770	
36	**QL 12 kéo dài:** Đoạn từ cầu Hoong Băng đến giáp xã Thanh Yên thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	1.870	935	550	
37	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục |Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ ngã ba Co Mị qua ngã tư Thanh Hồng theo 2 ngã đến kênh thuỷ nông (trừ các vị trí 1,2,3 QL 12 kéo dài) đến hết đất ao nhà ông Nguyễn Văn Tại Thôn Thanh Hồng 11 (tuyến nhánh) thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	1.310	786	524	
38	**Đường Ngã tư Pa Lếch đi UBND xã:** Đoạn từ ngã tư Pa Lếch qua cổng UB xã qua kênh thuỷ nông đến hết đường bê tông 2m (cạnh cánh đồng) thuộc khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	1.310	786	524	
39	**Đường Ngã tư Pa Lếch đi UBND xã:** Đoạn tiếp giáp đường bê tông 2m (cạnh cánh đồng) đến hết đường nhựa (hết đất nhà ông Du) thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	800	328	224	
40	QL 279: Đoạn từ ngã tư Pa Lếch đến hết nhà ông Vượng bản Pa Lếch thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	800	328	224	
41	Đường đi Na Khưa: Đoạn từ ngã ba thôn Thanh Hà, Thanh Sơn (trừ các vị trí 1,2,3 Quốc lộ 12 Kéo dài) qua bản Na Khưa đến Kênh thủy nông thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	740	311	222	
42	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên:Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng (cũ) đến giáp xã Thanh Yên (tuyến chính) thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	1.000	600	400	
43	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)				
43.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	600	378	282	
43.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	571	411	297	
43.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	400	260	200	
43.4	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Thanh Chăn (cũ)	132	110	99	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
44	**Khu đất 05-06 xã Thanh Luông (cũ)**				
44.1	Các thửa đất số 1 lô LK-05, thửa đất số 2, 3 lô LK-04, thửa đất số 2, 3 lô LK-03, thửa đất số 2, 3 lô LK-02, thửa đất số 2, 3 lô LK-01 tiếp giáp mặt đường bê tông 11,5 m.	1.180			
44.2	Các thửa đất số 3, 4, 5 lô LK-05, thửa đất số 5, 6, 7, 10, 11, 12 lô LK04, thửa đất số 5, 6, 7, 10, 11, 12 lô LK-03, thửa đất số 5, 6, 7, 10, 11, 12 lô LK-02, thửa đất số 2, 35, 6, 7, 10, 11, 12 lô LK-01, thửa đất 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 lô LK-06 tiếp giáp mặt đường bê tông 10,0 m	1.120			
44.3	Các thửa đất số 2 lô LK-05, thửa đất số 1, 4 lô LK-04, thửa đất số 1, 4 lô LK-03, thửa đất số 1, 4 lô LK-02, thửa đất số 1, 4 lô LK-01 tiếp giáp 2 mặt đường là đường bê tông 11,5 m và đường bê tông 10,0 m	1.239			
44.4	Các thửa đất số 6 lô LK-05, thửa đất số 8, 9 lô LK-04, thửa đất số 8, 9 lô LK-03, thửa đất số 8, 9 lô LK-02, thửa đất số 8, 9 lô LK-01, thửa đất 16 lô LK-06 tiếp giáp 2 mặt đường là đường bê tông 10,0 m và đường bê tông 10,0 m	1.176			
45	**Khu đất giao đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ Huổi Trạng Tai xã Thanh Hưng (cũ)**				
45.1	Các thửa đất từ số 02 đến số 08, từ số 10 đến số 16, từ số 18 đến số 24 tiếp giáp 01 mặt đường bê tông 3,5m	530			
45.2	Các thửa đất số 01, 09, 17 tiếp giáp 02 mặt đường (gồm: Đường bê tông 3,5m và đường nhựa từ 3 đến dưới 7m)	640			
46	**Khu đất giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân Khu 2**				
46.1	Các thửa đất (gồm các thửa số: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 16,17, 18, 19, 20) tiếp giáp 01 mặt đường bê tông 4,3m	900			
46.2	Các thửa đất (gồm các thửa số: 3, 14, 15) tiếp giáp 02 mặt đường là đường bê tông 4,3m và đường bê tông 3m	945			
46.3	Các thửa đất (gồm các thửa số: 8, 21) tiếp giáp 02 mặt đường là đường bê tông 4,3m và đường bê tông 4,3m	945			
47	Tuyến chính đường động lực: Đoạn từ tiếp giáp thôn 13 (xã Thanh Luông cũ) đến tiếp giáp ngã 3 giao với tuyến nhánh thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	1.000	710	580	
48	Tuyến chính đường động lực: Ngã 3 tuyến chính giao với tuyến nhánh (100m về mỗi phía) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	2.180	1.526	1.264	
49	Tuyến chính đường động lực: Đoạn từ tiếp giáp ngã 3 giao với tuyến nhánh (thôn An Bình) đến tiếp giáp bản Hoong Lếch Cang (xã Thanh Chăn cũ) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	1.250	875	508	
50	Tuyến QL 12: Đoạn tiếp giáp khu trung tâm ngã tư C4 từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Đức Lời đến hết thôn Thanh Chung tiếp giáp bản Co mị (xã Thanh Chăn cũ) thuộc Khu vực xã Thanh Hưng (cũ)	3.800	2.660	2.204	

32. Xã Thanh An

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến đường rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	2.000	1.166	611	
2	Đoạn từ rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng đến giáp xã Noong Hẹt (cũ) (hết đất nhà ông Thắng thôn Hoàng Công Chất) thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	5.500	2.750	1.540	
3	**Đường trục chính vào UBND xã:** Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 đến Kênh thủy nông thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	680	396	283	
4	**Đường trục chính vào UBND xã:** Đoạn từ Kênh thủy nông đến ngã ba rẽ đi bản Hoong Khoong thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	1.050	722	500	
5	**Đường trục chính vào UBND xã:** Đoạn từ ngã ba đi bản Hoong Khoong đến hồ Cổ Ngựa (Hết đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 2) thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	770	462	308	
6	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ tiếp giáp đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 2 đến tiếp giáp vị trí 3 đường Đông Điện Biên thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	230	161	115	
7	Đường Đông Điện Biên (ĐT.147): Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến giáp xã Noong Hẹt (cũ) thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	800	503	385	
8	Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua thôn Trại giống đến Kênh thủy nông thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	1.330	755	400	
9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)				
9.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	800	536	400	
9.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	734	499	396	
9.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	600	390	300	
10	Các vị trí còn lại trong xã thuộc khu vực xã Thanh An (cũ)	132	110	99	
11	**Quốc lộ 279:** Đoạn từ tiếp giáp Thanh An đến cống qua Quốc lộ 279 thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	7.400	3.685	1.650	
12	**Quốc lộ 279:** Đoạn từ cống qua Quốc lộ 279 đến cổng phụ chợ Bản Phủ thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	9.020	4.400	2.200	
13	**Quốc lộ 279:** Đoạn từ cổng phụ chợ Bản Phủ đến cổng giáp Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp Bản Phủ thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	10.500	5.500	3.850	
14	**Quốc lộ 279:** Đoạn từ cổng giáp Chi nhánh Ngân hàng Bản Phủ đến đường rẽ vào trụ sở UBND xã Noong Hẹt **(cũ) thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)**	9.570	4.675	2.200	
15	**Đường Quốc Lộ 12 kéo dài:** Đoạn từ hết vị trí 1 Quốc lộ 279 đến bờ Thành ngoại thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	9.570	4.675	2.200	
16	Các vị trí còn lại trong chợ bản phủ thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	6.060			
17	**Đường Quốc Lộ 12 kéo dài:** Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Đông đến bờ Thành ngoại phía Tây và đường rẽ vào Đền Hoàng Công Chất thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	6.600	3.300	1.650	
18	**Đường Quốc Lộ 12 kéo dài:** Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Tây đến cầu Nậm Thanh thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	4.960	2.475	1.485	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
19	**Đường đi vào UBND xã:** Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 279 đến đầu bản Bông thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	2.420	1.320	660	
20	**Đường đi vào UBND xã:** Đoạn từ đầu bản Bông đến hết Trường Mầm non thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	3.080	1.705	880	
21	**Đường vành đai phía Đông:** Đoạn từ giáp xã Thanh An đến giáp xã Sam Mứn thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	690	469	380	
22	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)				
22.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	680	435	340	
22.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	637	427	338	
22.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	580	406	290	
24	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Noong Hẹt (cũ)	132	110	99	
25	**Đường đi ĐBĐ:** Đoạn từ giáp địa phận xã Pom Lót đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đứa thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	1.980	1.100	605	
26	**Đường đi ĐBĐ:** Đoạn từ giáp đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đứa đến cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng) thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	2.290	1.145	664	
27	**Đường đi ĐBĐ:** Đoạn từ cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng) hướng đi Điện Biên Đông đến hết nhà ông Vui (Quán cơm bình dân); hướng đi theo đường phía đông đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tân (đối diện là hết đất nhà ông Cao Trọng Trường) thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	1.700	969	510	
28	**Đường đi ĐBĐ:** Đoạn từ giáp đất nhà ông Vui (quán cơm bình dân) đến cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	770	440	286	
29	**Đường đi ĐBĐ:** Đoạn từ giáp cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội đến giáp xã Núa Ngam thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	440	308	220	
30	**Đường vành đai phía Đông:** Đoạn từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Tân đối diện là giáp đất nhà ông Cao Trọng Trường đến giáp xã Noong Hẹt **(cũ) thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)**	1.150	817	587	
31	Đường liên xã: Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Vân (chồng Nguyễn Giang Quốc) thôn 10 Yên Cang (giáp đường vào trụ sở UBND xã) đến giáp địa phận xã Hẹ Muông) thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	500	335	250	
32	Đường trục vào UBND xã: Đoạn từ đất nhà bà Đào đến hết trụ sở UBND xã thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	500	340	255	
33	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)				
33.1	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	500	340	270	
33.2	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	400	260	200	
33.3	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	300	210	162	
33.4	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Sam Mứn (cũ)	132	110	99	
34	**Khu đất đấu giá thôn 24 xã Noong Hẹt (cũ)**				
34.1	Các thửa đất số 5, 8, 29, 33, 6, 7, 10, 11, 34, 9, 36, 38, 39, 46, 30 Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	3661			
34.2	Các thửa đất số 58, 47, 48, 55, 56, 57, 52, 53, 54 Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	3761			
34.3	Các thửa đất số 4, 32, 35 Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 tiếp giáp 02 mặt đường (gồm đường nhựa 11,5m và đường nhựa 11,5m)	3815			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
34.4	Các thửa đất số 45, 50, 51 Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 tiếp giáp 02 mặt đường (gồm: đường nhựa 9,5m và đường nhựa 11,5m)	3932			
34.5	Các thửa đất số 2, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 40, 41, 42, 43, 49 Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	3.550			
34.6	Các thửa đất số 1, 12, 13, 14, 44 tiếp giáp 02 mặt đường (gồm đường nhựa 11,5m và đường nhựa 11,5m)	3.728			

33. Xã Thanh Yên

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Từ cổng Noong Cống đến hết ao ông Muôn (thửa 243, Tờ bản đồ 24-e) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	970	563	407	
1.1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến nhánh 4): Tiếp giáp ao nhà ông Tòng Văn Muôn đến ngã tư UBND xã Noong Luống (cũ) thuộc khu vực xã Noong Luống (cũ)	1.000	580	420	
2	**Đường đi Pa Thơm:** Đoạn từ ngã tư qua UBND xã Noong Luống (cũ) đi đội 7 đến hết đất nhà ông Đôi thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	1.000	540	430	
3	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ giáp đất nhà ông Đôi đội 7 đến hết đất nhà ông Bương bản Co Luống thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	900	540	324	
3.1	Đường đi Pa Thơm: đoạn từ nhà ông Bương đến hết đất nhà ông Cương bản Co Luống thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	800	480	288	
4	Đoạn từ ngã tư UBND về hướng đi hồ Cô Lôm (hết thửa số 173 tờ bản đồ 23-e, ngõ vào nhà ông Liên) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	570	399	285	
5	Đoạn từ ngã tư UBND xã đi A2 đến hết nhà ông Bùi Văn Ruật thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	450	316	226	
6	Ngã tư bản On về hướng đi đập Hoong Sống (hết đất nhà ông Lịch Sen, đối diện là nhà ông Nhân) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	450	316	226	
7	**Đường đi U Va:** Đoạn từ ngã tư bản On đến hết nhà ông Thính Đội 20 thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	450	316	226	
8	**Đường đi U Va:** Đoạn từ giáp nhà ông Thính đến ngã ba rẽ đi bản U Va thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	560	336	263	
9	**Đường Co Luống - U Va thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)**	720	461	324	
9.1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ nhà ông Thân bản Co Luống (từ thửa 783 tờ bản đồ 47-d) đến cầu mới sang xã Pom Lót	700	420	252	
10	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7m trở lên (Trừ 06 bản của xã Pa Thơm cũ) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	450	306	248	
11	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3m đến 7m (Trừ 06 bản của xã Pa Thơm cũ) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	345	224	173	
12	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3m (Trừ 06 bản của xã Pa Thơm cũ) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	300	210	162	
13	Các vị trí còn lại trong xã ((Trừ 06 bản của xã Pa Thơm cũ) thuộc Khu vực xã Noong Luống (cũ)	132	110	99	
14	**Quốc lộ 12 kéo dài**: Đoạn từ giáp xã Thanh Chăn hướng đi Noong Hẹt đến cầu Nậm Thanh (mới); hướng đi Noong Luống đến giáp địa phận xã Noong Luống (cũ) (trừ khu trung tâm ngã tư Tiến Thanh) thuộc Khu vực xã Thanh Yên (cũ)	1.980	1.100	605	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
15	**Khu ngã ba Noong Cống:** Đoạn từ giáp ngã ba Noong Cống đến giáp cầu Nậm Thanh (cũ) thuộc Khu vực xã Thanh Yên (cũ)	605	385	275	
16	**Khu ngã tư Tiến Thanh:** Hướng về phía Tây hết đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2; hướng về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Tám đối diện là nhà ông Nguyễn Xuân Quí; hướng về phía Đông đến cầu C9; hướng về phía Bắc hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Dũng (giáp đường vào nhà ông Trần Văn Thường) thuộc Khu vực xã Thanh Yên (cũ)	3.150	1.827	945	
17	**Khu trung tâm xã:** Đoạn từ ngã tư về phía Bắc đến hết đất nhà ông Trần Văn Tới đối diện là nhà ông Đỗ Đức Kiềng; về phía Đông đến hết đất ông Trần Văn Sơn đối diện là đường rẽ vào trường TH số 1; về phía Tây đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng; về phía Nam đến hết trường THCS; từ ngã rẽ đến hết trường mầm non số 1 thuộc Khu vực xã Thanh Yên (cũ)	2.470	1.309	741	
18	Đoạn từ giáp đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2 Tiến Thanh đến hết đất nhà ông Phạm Văn Tạo đội 7 (trừ các vị trí thuộc khu trung tâm xã) thuộc Khu vực xã Thanh Yên (cũ)	1.520	1.049	608	
19	Đoạn từ giáp xã Noong Luống (cũ) đến cầu bê tông suối Tát Mạ thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	129	105	94	
20	Từ cầu Tát Mạ đi Xa Cuông đến hết bản Pa Xa Xá thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	143	99	88	
21	Từ ngã ba bản Pa Xa Lào đi qua ngã ba đường lên Động Pa Thơm đến hết đất nhà văn hóa bản Pa Thơm thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	129	105	94	
22	Trục đường vào bản Pa Xa Lào thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	133	100	89	
23	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	110	94	88	
24	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực xã Pa Thơm (cũ)	88			
25	Các thôn, bản trên địa bàn xã Thanh Yên nằm trên Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (Đường động lực)	1.000	800	600	

34. Xã Sam Mứn

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**QL 279 xã Pom Lót cũ:** Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hà, đối diện là đất ông Phạm Thanh Thụy đến giáp cống bê tông thoát nước (hết đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là hết đất ông Hoàng Hán Thăng) thuộc khu vực xã Pom Lót cũ	4.960	2.530	1.485	
2	**QL 279:** Đoạn từ cống bê tông thoát nước (giáp đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là giáp đất ông Hoàng Hán Thăng) đến đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh thuộc khu vực xã Pom Lót cũ	4.440	2.775	1.332	
3	**QL 279:** Đoạn từ đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh đến cầu Pá Nậm thuộc khu vực xã Pom Lót cũ	3.520	2.035	990	
4	**QL 279:** Đoạn từ cầu Pá Nậm đến cầu bản Na Hai (Hết đất nhà ông Hương Nhung) thuộc khu vực xã Pom Lót cũ	2.450	1.332	666	
5	**QL 279:** Đoạn từ cầu bản Na Hai (hết đất ông Hương Nhung) đến giáp xã Na Ư **(cũ) thuộc khu vực xã Pom Lót cũ**	1.100	605	385	
6	**Đường đi ĐBĐ**: Tiếp giáp đường Quốc lộ 279 tại ngã ba hướng đi Điện Biên Đông đến đến ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5 thuộc khu vực xã Pom Lót cũ	4.180	2.420	1.100	
7	**Đường đi ĐBĐ:** Từ ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5 đến hết địa phận xã Pom Lót **(cũ) thuộc khu vực xã Pom Lót cũ**	2.940	1.665	833	
8	**Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ thuộc khu vực xã Pom Lót cũ**				
8.1	Đường có chiều rộng từ 7 m trở lên	730	445	350	
8.2	Đường có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	673	458	363	
8.3	Đường có chiều rộng dưới 3 m	501	326	251	
9	Các vị trí còn lại trong xã Pom Lót cũ	132	110	99	
10	**QL 279:** Đoạn từ giáp xã Pom Lót (cũ) đến biên giới Việt Nam - Lào thuộc khu vực Xã Na Ư cũ	180	150	120	
11	**Đường vào trung tâm xã:** Đoạn từ hết vị trí 3 QL 279 đến cống bê tông (đầu bản Na Ư) thuộc khu vực Xã Na Ư cũ	110	99	88	
12	**Khu trung tâm xã:** Đoạn từ cống bê tông (đầu bản Na Ư) đi vào bản đến mương bê tông (hết Trường Mầm non); ngã rẽ đi Púng Bửa đến đỉnh Yên ngựa cây me thuộc khu vực Xã Na Ư cũ	133	111	89	
13	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc khu vực Xã Na Ư cũ	110	99	88	
14	Các vị trí còn lại trong xã thuộc khu vực Xã Na Ư cũ	88			

35. Xã Núa Ngam

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ giáp xã Sam Mứn đến cầu Phú Ngam thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	420	276	207	
2	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Phú Ngam đến cầu Pá Ngam 2 thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	1.100	560	440	
3	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Pá Ngam 2 đến cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	630	441	284	
4	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông đến giáp huyện Điện Biên Đông thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	330	264	198	
5	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ cầu Pá Ngam 1 đến Km 1 thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	264	176	132	
6	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ Km 1 đến giáp địa phận xã Hẹ Muông (cũ) thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	166	122	100	
7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ.	133	111	100	
8	Các vị trí còn lại trong xã thuộc khu vực Xã Núa Ngam cũ	99	94	88	
9	QL 279C: Đoạn từ giáp xã Núa Ngam đến giáp đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp thuộc Khu vực Xã Hẹ Muông cũ	138	115	92	
10	QL 279C: Đoạn từ đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp đến hết đất nhà ông Quàng Văn Sương bản Công Binh thuộc Khu vực Xã Hẹ Muông cũ	166	133	100	
11	QL 279C: Đoạn từ đất nhà ông Quàng Văn Sương bản Công Binh đến giáp xã Na Tông (cũ) thuộc Khu vực Xã Hẹ Muông cũ	138	115	92	
12	Đường vào trung tâm xã: Đoạn từ ngã 3 bản Pá Hẹ đối diện là nhà ông Lò Văn Thành đến cổng vào trạm Y tế xã thuộc Khu vực Xã Hẹ Muông cũ	110	99	88	
13	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực Xã Hẹ Muông cũ	88			
14	QL279C: Đoạn từ giáp xã Hẹ Muông (cũ) đến suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ	166	133	100	
15	QL279C: Đoạn từ suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I đến hết đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ	330	198	154	
16	QL279C: Đoạn từ giáp đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II đến hết đất nhà ông Lò Văn Phong bản Na Ô thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ	166	133	100	
17	QL279C: Đoạn từ giáp đất quán ông Lò Văn Phong bản Na Ô đến giáp xã Mường Nhà thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ	277	178	133	
18	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ.	133	111	100	
19	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực Xã Na Tông cũ	88			

36. Xã Mường Nhà

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ Cổng trường THPT Mường Nhà đến nhà ông Tòng Văn Quyền (Na Phay 1)	440	275	198	
2	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ đường từ nhà ông Tòng Văn Quyền (Na Phay 1) đến nhà ông Tòng Văn Sương (bắt đầu đường đôi)	370	215	141	
3	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ nhà ông Tòng Văn Sương (bắt đầu đường đôi) đến cầu Na Phay (đường đôi)	660	385	253	
4	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ Cầu Na Phay đến cầu Huổi Lếch (Đường đôi)	1.274	699	445	
5	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ cầu Huổi Lếch đến phai tạm Na Hôm	385	253	176	
6	QL279C xã Mường Nhà cũ: Đoạn từ phai tạm Na Hôm đến nhà ông Vàng Duy Chính (bản Pu Lâu)	244	144	100	
7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản tương đương thuộc khu vực xã Mường Nhà cũ	99	94	88	
8	Các vị trí còn lại trong xã Mường Nhà cũ	88			
9	QL 279C xã Phu Luông cũ: Đoạn từ nhà ông Vàng Duy Chính đến cầu bản Xôm (Giáp đất nhà ông Biên)	244	144	100	
10	QL 279C xã Phu Luông cũ: Đoạn từ cầu bản Xôm (đất nhà ông Biên) đến cầu bản Xẻ 1 (nhà ông Điện)	385	264	176	
11	QL 279C xã Phu Luông cũ: Đoạn từ cầu bản Xẻ 1 (nhà ông Điện) đến trường THCS Phu Luông (đầu đường đôi)	420	289	200	
12	QL 279C xã Phu Luông cũ: Đoạn đường đôi từ trường Trung học cơ sở Phu Luông đến Cầu Na Há 2	550	308	187	
13	QL 279C xã Phu Luông cũ: Đoạn từ Cầu Na Há 2 đến nhà ông Sang (Na Moong)	244	144	100	
14	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc xã Phu Luông cũ.	99	94	88	
15	Các vị trí còn lại trong xã Phu Luông cũ.	88			
16	QL 279C: Đoạn từ nhà ông Sang (Na Moong). đến giáp Đồn Biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	187	143	110	
17	QL 279C: Đoạn từ đất Đồn Biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc đến ngã 3 đi Sơn La thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	330	198	154	
18	QL 279C: Đoạn từ ngã 3 đi Sơn La đến ngầm suối Huổi Na thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	155	122	94	
19	QL 279C: Đoạn từ ngầm suối Huổi Na đến giáp ranh giới Việt Nam - Lào thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	138	115	92	
20	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ ngã 3 Sơn La đến hết khu dân cư bản Lói thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	134	112	90	
21	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ giáp khu dân cư bản Lói đến giáp Xốp Cộp - Sơn La thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	134	112	90	
22	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	99	94	88	
23	Các vị trí còn lại trong xã thuộc Khu vực Xã Mường Lói cũ	88			
24	**Đường lên trường THCS Mường Nhà**				
	Từ ngã ba Bưu điện xã Mường Nhà (cũ) đến cổng trường THCS Mường Nhà	310	180	118	

37. Xã Na Son

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**Đường 19,5 m thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
1.1	- Đoạn từ cổng nhà văn hóa tổ 5 tới ngã tư cây xăng (từ thửa đất ở đô thị thửa số 46 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 139 tờ bản đồ 31, gồm cả thửa số 13, thửa số 20 tờ bản đồ 30)	3.740	1.540		
1.2	Đoạn từ ngã tư cây xăng đến ngã tư sân vận động – cổng chào tổ 2 (từ thửa số 94 và thửa số 53 tờ bản đồ 31 đến hết thửa số 6 đất chưa sử dụng và thửa số 67 đất chưa sử dụng, tờ bản đồ 32) (trừ khu vực đấu giá tổ 5 từ đường đôi đến Phòng giao dịch số 2-kho bạc nhà nước khu vực X và khu vực đấu giá cổng chào tổ 2)	4.400	1.760		
1.3	Đoạn từ ngã tư sân vận động - cổng chào tổ 2 đến ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 (từ thửa đất số 40 đất giao thông tờ bản đồ 32 đến hết thửa đất đài tưởng niệm thửa số 28 tờ bản đồ 33)	1.705	660		
1.4	Đoạn từ ngã 3 đường bê tông sang tổ 1 đến hết ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội Điện Biên Đông (từ thửa đất chưa sử dụng thửa đất số 5 tờ bản đồ 33 đến thửa số 57 đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác và thửa 56 đất TSC tờ bản đồ 26 (trong đó có thửa đất số 3 đất bằng chưa sử dụng tờ bản đồ 33)	1.595	605	275	
1.5	Đoạn từ ngã 3 nhà công vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội Điện Biên Đông đến ngã tư lối rẽ lên Công an huyện cũ – trường tiểu học – Toà án huyện cũ (từ thửa đất ở đô thị thửa 48 và đất chưa sử dụng thửa số 58 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất số 8 đất thủy lợi tờ bản đồ 24)	1.760	770		
1.6	Đoạn từ ngã tư Công an huyện cũ – trường tiểu học – Toà án huyện cũ xuống ngã 3 rẽ lên UBND, qua ngã 3 khu liên hợp thể thao đến cổng nhà văn hóa tổ 5 (thửa đất cơ sở văn hóa số 29 tờ bản đồ 23 đến hết thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 và sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 45 tờ bản đồ 23)	1.980	880		
2	**Khu vực đấu giá tổ 5 thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
2.1	Từ thửa 168 đến thửa 175 tờ bản đồ 31 (bám trục đường 19,5m)	2.640			
2.2	Từ thửa 158 đến thửa 166 tờ bản đồ 31 (quay sang Phòng giao dịch số 2-kho bạc nhà nước khu vực X)	1.760			
2.3	Từ thửa 152 đến thửa 157 tờ bản đồ 31 (quay sang chợ trung tâm)	3.960			
2.4	Thửa 151, 162, 163, 164, 167 tờ bản đồ 31 (bám trục đường đôi)	2.420			
2.5	Các thửa 159, 160, 161 tờ bản đồ 31 (trong khu đấu giá)	880			
3	**Trục đường đôi thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
3.1	- Từ thửa đất ở đô thị thửa đất số 41 tờ bản đồ số 31 chỗ ngã ba giao đường 19,5m đến ngã ba cổng trung tâm hội nghị (trừ khu đấu giá tổ 5 và lô đất chợ trung tâm trong nhà)	3.795	1.650		
3.2	- Lô đất chợ trung tâm - trong nhà (thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31)	3.795	1.650		
4	**Đường 16,5m**				
4.1	Đoạn từ thửa đất xây dựng trụ sở cơ quan khu ngã ba Bưu điện – Trạm thú y cũ - Trạm bảo vệ thực vật cũ đến khu ngã tư Thuế cơ sở 2 (từ thửa số 79 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 56 đến hết thửa đất ở đô thị số 39 và thửa đất số 48 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ 23)	1.870	990		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
4.2	Đoạn từ ngã tư Thuế cơ sở 2 đến ngã 3 phía sau Nhà truyền thống (thửa đất số 15 đất xây dựng trụ sở cơ quan tờ bản đồ số 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 38, vòng lên hết thửa đất đất ở đô thị 62 tờ bản đồ 24)	1.320	550		
4.3	Đoạn từ ngã 3 sau Nhà truyền thống vòng ra sau chợ tới ngã ba đường 19,5m (ngã 3 Kho bạc, trừ khu đấu giá tổ 5)	1.100	440		
4.4	Đoạn từ ngã ba cây xăng đi qua Chi nhánh điện rẽ phải sang ngã tư Nhà khách đối diện chợ (từ thửa đất ở đô thị thửa số 24 và thửa đất đồi núi chưa sử dụng thửa số 28 tờ bản đồ 31, thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 13 tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 32 tờ bản đồ 31)	1.760	770		
4.5	Đoạn từ ngã tư Thuế cơ sở 2 (thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 16 và thửa đất sông ngòi, kênh, rạch, suối thửa số 92 tờ bản đồ 23) đến ngã ba khu liên hợp thể thao giao đường 19,5m	1.760	770		
4.6	Đoạn từ ngã ba Bưu điện – Trạm Bảo vệ thực vật cũ - Chi cục thú y cũ đi qua trung tâm hội nghị đến hết đất chợ (từ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 78 tờ bản đồ 23 và thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 12 tờ bản đồ 31 đến thửa đất chợ thửa số 6 tờ bản đồ 31- trừ thửa đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước thửa số 9 tờ bản đồ 31)	1.760	770		
5	**Đường 13,5m**				
5.1	- Khu đấu giá tổ 2 (lối vào trụ sở UBND thị trấn cũ hiện nay là Khu bán trú 2)	1.100	440	198	
5.2	- Đoạn từ cổng chào tổ 2 đến thửa đất ở đô thị số 17 tờ bản đồ 36 đối diện thửa đất ở đô thị thửa số 19 tờ bản đồ 36	1.320	550	264	
5.3	- Đoạn từ thửa 81 tờ bản đồ 52 đến hết thửa đất ở đô thị số 12 tờ bản đồ số 42	770	330	154	
5.4	Đoạn từ ngã ba nhà công vụ của Ngân hàng chính sách xã hội Điện Biên Đông đến nhà ông Lò Văn Chiên (từ thửa đất ở đô thị thửa số 49 tờ bản đồ 26 và đối diện sang bên kia đường hết thửa đất 24 và 27 tờ bản đồ số 18)	1.540	660	275	
5.5	Đoạn từ ngã 3 trước cổng trường THPT Trần Can đến hết trường Trung học cơ sở Điện Biên Đông (thửa đất trồng cây lâu năm thửa số 43 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo thửa số 20 tờ bản đồ 10)	880	385	165	
6	**Đường 11,5 m thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
6.1	Đoạn từ cổng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực III - Na Son vòng ra sau trụ sở Đảng uỷ xã Na Son (cũ)và UBND xã, qua phòng Tài chính - Kế hoạch huyện cũ đến ngã ba trường THPT Trần Can (thửa đất CPQ số 7 tờ 22, vòng ra sau thửa số 25 tờ bản đồ 15 qua thửa 21 tờ bản đồ 15 đến hết thửa đất ở đô thị số 31 tờ bản đồ 18)	1.056	440	187	
6.2	Đoạn từ cổng trường Phổ thông DTNT-THPT Na Son qua cổng UBND xã khu vực Tòa án huyện cũ xuống chân dốc ngã 3 Công an huyện cũ - trường Tiểu học Điện Biên Đông (từ toàn bộ thửa đất cơ sở giáo dục - đào tạo số 21 và đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 11 tờ bản đồ số 21 đến chân dốc ngã 4 Công an huyện cũ – trường Tiểu học Điện Biên Đông).	1.056	440	187	
6.3	Đoạn từ ngã 3 phòng Tài chính - Kế hoạch huyện cũ lên trước cổng UBND xã, xuống dốc gặp trục đường 19,5m.	1.056	440	187	
6.4	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 31 tờ bản đồ 25 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 3 tờ bản đồ 25	770	330	154	
7	**Đường khác và các vị trí còn lại thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
7.1	Đoạn từ ngã tư cây xăng qua trước cửa cơ quan Tầm nhìn thế giới (từ sau thửa đất ở đô thị số 139 tờ 31 đến hết thửa đất ở đô thị số 11 tờ bản đồ 36 và 127 tờ 31)	770	330	132	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
7.2	Đoạn từ ngã tư Văn hóa cũ - Hạt kiểm lâm Điện Biên Đông tới khu đấu giá tổ 5 (từ thửa đất thủy lợi thửa số 19 tờ bản đồ 30 đối diện thửa đất cơ sở sản xuất, kinh doanh thửa số 17 tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất ở đô thị số 53 tờ bản đồ 30)	825	385	165	
7.3	Đoạn từ thửa đất ở đô thị thửa số 50 tờ bản đồ 23 và thửa đất ở đô thị thửa số 54 tờ bản đồ 24 đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 41 và thửa đất ở đô thị thửa số 61 tờ bản đồ 24	935	616		
7.4	Các vị trí đất đồi dốc, vị trí xa trung tâm hoặc xa trục đường nhựa	440	264	110	
7.5	Đoạn từ ngã ba xã Na Son (cũ) – Pu Nhi theo trục đường đi Pu Nhi đến hết đường bê tông (từ thửa đất ở đô thị số 5 tờ 12 đến đầu thửa đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt 11 tờ bản đồ 66)	495	275	132	
7.6	Đoạn từ ngã 3 xã Na Son (cũ) – Pu Nhi đến ngã 3 tổ 1, rẽ phải sang khu vực bãi rác (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 tờ bản đồ 12 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 18 tờ bản đồ 40)	495	275	132	
7.7	Đoạn từ ngã 3 tổ 1 rẽ theo hướng Na Son cũ qua cổng Trung tâm y tế Điện Biên Đông, đến hết ngã 3 đường bê tông (từ thửa đất ở tại đô thị thửa số 7 và số 14 tờ bản đồ 20 đến hết thửa đất ở tại đô thị thửa số 10 tờ bản đồ 76)	495	275	132	
7.8	Khu quy hoạch dân cư phía Bắc	660	385	165	
7.9	Đoạn từ thửa đất bằng chưa sử dụng thửa số 83 tờ bản đồ số 18 đến ngã ba đi Pu Nhi	660	308	143	
7.10	Đoạn ngã 3 đối diện bể bơi đến hết thửa đất ở đô thị thửa số 25 tờ bản đồ 22	770	330	132	
7.11	Đường đôi sân vận động	2.860	1.320	550	
7.12	Các vị trí còn lại	374	165	99	
8	**Khu tái định cư Đường giao thông dự án San ủi mặt bằng phục vụ di chuyển các hộ dân khu vực đầu nguồn nước sinh hoạt thị trấn Điện Biên Đông (cũ), huyện Điện Biên Đông (giai đoạn 1). Khu vực tổ 2 (khu cổng chào) xã Na Son (cũ) thuộc Khu vực Thị trấn Điện Biên Đông cũ**				
8.1	Đường nhựa có khổ rộng 19,5m	1.800			
8.2	Đường nhựa có khổ rộng 13,5m	1.400			
8.3	Đường nhựa có khổ rộng 11,5m	1.000			
9	Trung tâm UBND xã (từ đường vào bản Xì Cơ đến hết đất nhà ông Tuần; đường vào bản Trung Sua 500m) thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ	550	308	220	
10	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư từ đất nhà bà Trần Thị Hường đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Toàn (từ thửa số 1 tờ bản đồ 124 thửa số 53 tờ bản đồ 124) thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ	605	418	275	
11	Các vị trí còn lại bám trục đường QL 12 thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ	319	209	110	
12	Ngã ba Trại Bò từ thửa đất số 270 tờ bản đồ 20 (Vàng Quốc Minh – Vừ Thị Dợ) hướng đi trung tâm xã Na Son 1 km thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ	352	242	110	
13	Khu tái định cư bãi Huổi Po thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ				
	Đường bê tông có khổ rộng 3 m	160			
14	Các bản còn lại xa trung tâm xã cũ; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Keo Lôm cũ	83	77	66	
15	Trung tâm UBND xã (Từ cầu Na Phát đến cổng trường THCS Na Phát, theo đường đi Xa Dung đến hết thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99) thuộc Khu vực xã Na son cũ	473	264	154	
16	Các bản dọc trục đường liên xã cũ thuộc Khu vực xã Na son cũ	176	99	77	
17	Đoạn từ cầu Na Phát đến thửa 294 tờ bản đồ 101 (Lường Văn Lún – Quàng Thị Pâng) thuộc Khu vực xã Na son cũ	220	143	88	
18	Tiếp theo thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99 đến ngầm Huổi Nhóng, thửa đất số 4 Tờ bản đồ số 98 thuộc Khu vực xã Na son cũ	198	121	77	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
19	Các bản còn lại xa trung tâm xã cũ; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Na son cũ	83	77	66	
20	Khu TĐC Tìa Ló Na Son - Đường bê tông 3m	160			

38. Xã Xa Dung

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Trung tâm UBND xã Xa Dung hướng xã đi bản Chua Ta A, B, C 1 km, hướng đi bản Cồ Dề 1,5 km, hướng đi xuống ngã tư 100(lấy trọng thửa đất) thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	418	275	176	
2	Chợ trung tâm cụm xã Suối Lư (Từ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 187 đến hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 48) thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	583	330	165	
3	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư đến hết khu quy hoạch trung tâm cụm xã hướng Suối Lư - Ngã tư đi Phình giàng, Mường Luân, Xa Dung (đầu cầu Suối Lư đến hết thửa đến số 10 tờ bản đồ 194 đất nhà ông Phạm Quang Hưng) thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	935	495	220	
4	Khu vực còn lại của trung tâm cụm xã theo quy hoạch thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	242	143	110	
5	Khu vực ngã tư Phì Nhừ: Hướng đi Phình Giàng 400m, hướng đi Mường Luân 500m, Hướng đi Suối Lư 600m, hướng đi UBND xã 150m thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	528	242	143	
6	Các vị trí còn lại bám trục đường QL12 thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	319	209	110	
7	Khu vực bản Na Nghịu từ thửa số 31 tờ bản đồ 214 (ông Lò Văn Hải) đến cầu Pá Vạt (giáp xã Mường Luân) thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	385	242	121	
8	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Phì Nhừ cũ	83	77	66	
9	Trung tâm bản Nà Sản B (bám theo trục đường: đi bản chóng 600, đi UBND xã Xa Dung mới 300m, đi Na Son 500m, lấy trọn thửa đất) thuộc Khu vực xã Xa Dung cũ	385	297	165	
10	Khu tái định cư tại bản Mường tỉnh A thuộc Khu vực xã Xa Dung cũ				
	Đường bê tông có khổ rộng 4 m thuộc Khu vực xã Xa Dung cũ	160			
11	Các bản dọc trục đường liên xã thuộc Khu vực xã Xa Dung cũ	143	88	77	
12	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Xa Dung cũ	77	72	66	

39. Xã Pu Nhi

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Khu vực ngã ba lên UBND xã bám theo đường ĐT 143 hướng đi phường Điện Biên Phủ 300m, hướng đi bản Pu Nhi hết bản Nậm Ngám A (chân đập) (Lấy trọn thửa) thuộc Khu vực xã Pu Nhi cũ	484	253	143	
2	Các bản dọc trục đường ĐT143 thuộc Khu vực xã Pu Nhi cũ	275	160	88	
3	Khu vén dân tái định cư thuộc Khu vực xã Pu Nhi cũ				
3.1	- Các lô từ N1 đến N26	297			
3.2	- Các lô từ N26-1 đến N28-2	341			
3.3	- Các lô từ N53 đến N70	264			
3.4	- Các lô từ N34 đến N52	231			
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Pu Nhi cũ	83	77	66	
5	Đoạn từ hồ Nậm Ngám đi các bản Sư Lư xã Na Son (tính đến hết đường bê tông thuộc địa phận xã) thuộc Khu vực xã Pu Nhi cũ	187	99	77	
6	Các bản dọc trục đường liên xã thuộc Khu vực xã Nong U cũ	209	165	77	
7	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Nong U cũ	83	77	66	
8	Đoạn dọc QL 12 thuộc Khu vực xã Nong U cũ	110	99	88	
9	Đoạn đường từ Trường tiểu học Tà Té đến nhà văn hóa bản Tà Té A; Từ Trường tiểu học Tà Té đến nhà văn hóa bản Tà Té C (thuộc khu vực xã Nong U cũ)	110	99	88	

40. Xã Mường Luân

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Từ thửa số 256 tờ bản đồ 143 (Quàng Văn Hợp -Quàng Thị Phương) đến thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quàng Thị Um) thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	583	385	253	
2	Tiếp theo thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quàng Thị Um) đến thửa số 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định hướng đi Luân Giói) đến mốc HIII 099415 (hướng đi Chiềng Sơ) thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	715	330	165	
3	Từ thửa 95 tờ bản đồ 181 (Lò Văn Pan – Lò Thị Hồi) đối diện thửa 42 tờ bản đồ 181 (đất UBND xã) đến thửa 101 tờ bản đồ 182 (Đoàn Văn Năm – Lê Thanh Nga) thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	363	242	110	
4	Từ thửa 99 tờ bản đồ 156 đến thửa 78 tờ bản đồ 170 (Lường Thị Ninh) đối diện thửa 52 tờ bản đồ 170 (đất UBND xã) bản Na Ca – Na Pục thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	330	220	110	
5	Từ thửa 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định) đến giáp xã Luân Giói (cũ) thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	220	99	77	
6	Từ mốc HIII 099415 đến giáp xã Chiềng Sơ (cũ) thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	220	99	77	
7	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	83	77	66	
8	Ngã ba mốc 3X.42 hướng đi Phì Nhừ 1km, hướng đi Mường Luân 3km thuộc Khu vực xã Mường Luân cũ	187	88	66	
9	Đoạn Trung tâm UBND xã (bám theo trục đường giao thông liên xã, từ đất nhà ông Tòng Văn Hiên đến ngã ba đi Na Ngua, Pá Khôm) thuộc Khu vực xã Luân Giói cũ	330	198	99	
10	Đoạn Từ nhà ông Tòng Văn Hiên đến giáp xã Mường Luân thuộc Khu vực xã Luân Giói cũ	187	99	77	
11	Ngã 3 đi Na Ngua, Pá Khôm đến cầu bê tông bản Na Ngua - đến cầu Pá Khôm (Nậm Mạt) thuộc Khu vực xã Luân Giói cũ	132	88	77	
12	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Luân Giói cũ	83	77	66	
13	Đoạn từ trung tâm bản Kéo đi sông Mã, từ trung tâm bản Kéo đi Mường Luân, từ trung tâm bản Kéo đi bản Cang thuộc Khu vực xã Chiềng Sơ cũ	308	187	88	
14	Các bản vùng thấp (bản Pá Nặm A, B, bản Kéo, bản Co Mỵ) thuộc Khu vực xã Chiềng Sơ cũ	165	99	77	
15	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Chiềng Sơ cũ	83	77	66	
16	Đoạn từ cầu treo vào UBND xã mới, ngã 3 hướng đi xã Phì Nhừ 600m thuộc Khu vực xã Chiềng Sơ cũ	165	110	88	
17	Đoạn đường bê tông từ bản Pá Nậm đi xã Phì Nhừ thuộc Khu vực xã Chiềng Sơ cũ	110	88	77	
18	**Khu TĐC Phiêng Muông**				
	Đường bê tông 3m	160			

41. Xã Tìa Dình

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Trung tâm UBND xã mới đến ngã 3 đường đi Tìa Mùng thuộc Khu vực xã Háng Lìa cũ	330	176	99	
2	Đoạn từ đoạn từ trụ sở UBND xã Tìa Dình mới sang bản Tìa Dình 1 là 2 km thuộc Khu vực xã Háng Lìa cũ	275	132	77	
3	Các bản dọc trục đường liên xã thuộc Khu vực xã Háng Lìa cũ	143	88	77	
4	Khu Quy hoạch trung tâm xã thuộc xã Tìa Dình cũ				
4.1	Đường nhựa 9,5m	420			
4.2	Đường nhựa 6,5m	390			
4.3	Đường nhựa 4 m	360			
5	Đoạn từ trục đường chính bắt đầu từ cổng hàng rào của bản Tìa Dình 1 đến hết cống nước của trạm Y tế xã Tìa Dình thuộc Khu Quy hoạch trung tâm xã thuộc khu vực xã Tìa Dình cũ	275	154	88	
6	Từ ngã 3 Trạm y tế xã Tìa Dình đến khu tái định cư di rời các hộ dân bản Tìa Dình B, C ra khỏi khu sạt lở thuộc khu vực xã Tìa Dình cũ	176	99	83	
7	Các bản dọc trục đường liên xã thuộc khu vực xã Tìa Dình cũ	143	88	77	
8	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc khu vực xã Tìa Dình cũ, xã Háng Lìa cũ	77	72	66	
9	**Đường Tìa Mùng nằm trong khu tái định cư**				
	Đoạn đường bản Tìa Mùng cũ đến tái định cư Kê tá xã Tìa Dình	143	88	77	

42. Xã Phình Giàng

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Đường bê tông từ trung tâm UBND xã đến hết đất nhà ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dếnh) (lấy trọn thửa) Khu vực xã Phình Giàng (Cũ)	330	165	88	
2	Đoạn từ giáp đất ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dếnh) đến cầu Huổi Có Khu vực xã Phình Giàng (Cũ)	242	110	83	
3	Trung tâm UBND xã (hướng đi xã Mường Nhà đến hết đất nhà ông Lầu A Chía - Sềnh Thị Xua; hướng đi Phình Giàng 700m) thuộc Khu vực xã Pú Hồng (Cũ)	308	165	88	
4	Các bản dọc trục đường liên xã thuộc Khu vực xã Pú Hồng (Cũ); xã Phình Giàng (Cũ)	143	88	77	
5	Từ đất nhà ông Lầu A Chía - Sềnh Thị Xua đến hết nhà ông Sùng A Tú - Lầu Thị Mai (cạnh đường lên trạm phát sóng Viettel) thuộc Khu vực xã Pú Hồng (Cũ)	154	99	77	
6	Ngã 3 rẽ vào trường mầm non, tiểu học, THCS xã Pú Hồng (hướng đi Mường Nhà 200m, hướng đi UBND xã Pú Hồng cũ 200m, hướng đi vào trường 200m); Ngã 3 đi bản Chả B, C (hướng đi UBND Pú Hồng 100m, hướng đi xã Phình Giàng 100m, hướng đi bản Chả B, C 100m); Ngã 3 đi bản Chả A (hướng đi Mường Nhà 50m, hướng đi Phình Giàng 50m); Ngã 3 cầu treo vào các bản Nà Nếnh C (hướng đi UBND xã 100m, hướng đi xã Phình Giàng 30m) thuộc Khu vực xã Pú Hồng (Cũ)	176	110	88	
7	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại thuộc Khu vực xã Pú Hồng (Cũ); xã Phình Giàng (Cũ)	77	72	66	